

**BỘ QUỐC PHÒNG-
HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2767**/QC-BQP-HCCBVN

Hà Nội, ngày **03** tháng 8 năm 2023

QUY CHẾ

**Phối hợp giữa Bộ Quốc phòng và Hội Cựu chiến binh Việt Nam
trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn pháp lý
và xây dựng pháp luật về quân sự, quốc phòng**

Căn cứ Luật Quốc phòng năm 2018;

Căn cứ Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi,
bổ sung một số điều năm 2020);*

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh Việt Nam năm 2005;

*Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-
ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc
Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Quốc phòng;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2006 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu
chiến binh Việt Nam (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 157/NĐ-CP
ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ);*

*Căn cứ Quyết định số 1371/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát huy vai trò của lực lượng Quân đội
nhân dân tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân
chấp hành pháp luật tại cơ sở giai đoạn 2021-2027”;*

*Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác
động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai
đoạn 2022-2027”;*

Căn cứ Thông tư liên tịch số 127/2007/TTLT-BQP-CCBVN ngày 24 tháng 8 năm 2007 của Bộ Quốc phòng và Hội Cựu chiến binh Việt Nam về việc hướng dẫn vận động, tập hợp cựu quân nhân tham gia Câu lạc bộ, Ban liên lạc cựu quân nhân cơ sở.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng và Trưởng ban Ban Pháp luật Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Bộ Quốc phòng và Hội Cựu chiến binh Việt Nam ban hành Quy chế Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tư vấn pháp lý và xây dựng pháp luật về quân sự, quốc phòng.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, mục đích, phương thức, nội dung, trách nhiệm của Bộ Quốc phòng và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (sau đây gọi tắt là hai bên) phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở và tư vấn pháp lý cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của hai bên; công tác xây dựng pháp luật về lĩnh vực quân sự, quốc phòng và liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của hai bên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi bên và quy định của pháp luật.

3. Chủ động, thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, bảo đảm yêu cầu về chất lượng và tiến độ thực hiện các nội dung phối hợp.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Lãnh đạo hai bên đối với hoạt động phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

2. Nâng cao hiệu quả trao đổi, cung cấp thông tin giữa hai bên và tăng cường mối quan hệ đoàn kết, gắn bó, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân

chấp hành pháp luật tại cơ sở và tư vấn pháp lý cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý của hai bên; công tác xây dựng pháp luật về lĩnh vực quân sự, quốc phòng và liên quan.

3. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến giúp cán bộ, chiến sĩ, hội viên, cựu quân nhân và nhân dân nhận thức đúng đắn, sâu sắc về vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và vận động nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở, góp phần triển khai hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch của hai bên tại các địa phương, địa bàn cơ sở.

4. Góp phần giữ gìn, nâng cao và phát huy phẩm chất, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”, hình ảnh Cựu chiến binh trong Nhân dân; xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và xây dựng Hội Cựu chiến binh Việt Nam vững mạnh toàn diện.

Điều 4. Phương thức phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp thông tin về các nội dung phối hợp.
2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về các nội dung phối hợp.
3. Phân công cơ quan đồng chủ trì làm đầu mối tham mưu, đề xuất việc phối hợp giữa hai bên.
4. Xây dựng các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch triển khai các nội dung phối hợp.
5. Trường hợp phát sinh công việc đột xuất, cần có sự phối hợp thì bên có nhu cầu chủ động thông báo để cùng trao đổi, giải quyết.

Điều 5. Yêu cầu phối hợp

1. Công tác phối hợp được tổ chức, triển khai thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy đảng, lãnh đạo hai bên; tuân thủ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Nội dung phối hợp bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng với chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị và cấp ủy, chính quyền địa phương.
3. Việc thông tin, tuyên truyền phải đảm bảo chính xác, cụ thể, rõ ràng, kịp thời, đầy đủ theo yêu cầu được thống nhất tại Quy chế này.

Chương II

PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC

TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

Điều 6. Nội dung phối hợp

1. Thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò và những kết quả của hai bên tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành, hội viên Hội Cựu chiến binh trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, hội viên Hội Cựu chiến binh và Nhân dân.

2. Khảo sát nhu cầu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật của từng nhóm đối tượng, địa bàn, đánh giá tình hình thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động hội viên Hội Cựu chiến binh các cấp và Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở; ý thức chấp hành pháp luật của hội viên, cán bộ, Nhân dân.

3. Trao đổi, cung cấp nội dung, hình thức, cách thức triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của hội viên Hội Cựu chiến binh các cấp và Nhân dân tại cơ sở.

4. Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình, cách làm hiệu quả của các cơ quan, đơn vị và công tác phối hợp giữa các đơn vị quân đội và chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức trong triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành chính sách, pháp luật tại cơ sở.

5. Phản ánh những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, những đề xuất, kiến nghị từ cơ sở về chính sách và thực tiễn.

6. Sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng kịp thời những điển hình tiên tiến, có nhiều đóng góp trong tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở.

Điều 7. Trách nhiệm phối hợp

1. Bộ Quốc phòng chỉ đạo các cơ quan quân sự địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan

a) Chủ động, kịp thời cung cấp thông tin giúp Hội Cựu chiến binh xây dựng các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật theo đúng chủ

trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Bộ Quốc phòng.

b) Phối hợp, liên hệ phỏng vấn, ghi hình, cung cấp tư liệu, tài liệu cho việc xây dựng các chương trình, nhiệm vụ về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật;

c) Kịp thời thông tin, trao đổi với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam để thông qua các phương tiện thông tin truyền thông và hội viên định hướng dư luận, bác bỏ, cải chính những thông tin sai lệch không phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước, Quân đội và việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng;

d) Tạo điều kiện thuận lợi để hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam khai thác tài liệu, tư liệu liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Hội Cựu chiến binh các cấp xây dựng kế hoạch thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, chủ động phòng ngừa, tích cực phát hiện, đấu tranh với các hành vi xâm phạm đến lĩnh vực quân sự, quốc phòng.

2. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và Hội Cựu chiến binh các cấp

a) Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương cùng cấp hoặc các cơ quan, đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật;

b) Thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu; cử cán bộ, phóng viên, biên tập viên Báo Cựu chiến binh Việt Nam, Thông tin Cựu chiến binh theo dõi, đưa tin về các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Tổ chức thông tin, phản ánh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao vị thế, vai trò, hiệu quả hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và vận động nhân dân chấp hành pháp luật của Nhà nước;

d) Kịp thời thông tin với cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng để thống nhất trước khi đăng các tin, bài, ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến Bộ Quốc phòng; tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật theo các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt.

Chương III

PHỐI HỢP TRONG TƯ VẤN PHÁP LÝ

Điều 8. Đối tượng được tư vấn pháp lý

Đối tượng được tư vấn pháp lý gồm: Cựu chiến binh Việt Nam; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, chiến sĩ và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Quân đội).

Điều 9. Nội dung tư vấn pháp lý

Nội dung tư vấn pháp lý bao gồm các lĩnh vực về pháp luật dân sự, lao động, việc làm, hôn nhân và gia đình mà đối tượng được tư vấn pháp lý có nhu cầu, được cơ quan, đơn vị của hai bên đề nghị bằng văn bản hoặc theo đề nghị trực tiếp của đối tượng được tư vấn pháp lý.

Điều 10. Hình thức tổ chức và phương pháp tư vấn pháp lý

1. Hình thức tổ chức: Tư vấn pháp lý cho các đối tượng được tư vấn thông qua hội viên Hội Cựu chiến binh hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên do Hội Cựu chiến binh chủ trì.

2. Phương pháp tư vấn pháp lý: Cung cấp văn bản pháp luật, tài liệu chuyên môn pháp luật; tư vấn bằng văn bản hoặc trực tiếp bằng lời nói, phát băng ghi âm, ghi hình hoặc các phương pháp chuyển tải thông tin khác về các nội dung tư vấn pháp lý cho đối tượng được tư vấn.

Điều 11. Trách nhiệm, thời gian, địa điểm tư vấn pháp lý

1. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan chức năng thuộc quyền và Hội Cựu chiến binh các cấp phân công hội viên hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên có kiến thức pháp luật, kinh tế, xã hội, có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn chuẩn bị nội dung và tiến hành tư vấn pháp lý cho đối tượng được tư vấn.

2. Hội viên Hội Cựu chiến binh hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên thực hiện tư vấn pháp lý cho đối tượng được tư vấn tại trụ sở Hội Cựu chiến binh hoặc trụ sở cơ quan, đơn vị nơi đối tượng được tư vấn pháp lý làm việc, học tập, công tác và lao động sản xuất.

Trường hợp theo yêu cầu trực tiếp của đối tượng được tư vấn pháp lý, địa điểm tư vấn pháp lý được thực hiện ngoài trụ sở Hội Cựu chiến binh hoặc ngoài trụ sở cơ quan, đơn vị nơi đối tượng được tư vấn pháp lý làm việc, học tập, công tác, lao động sản xuất.

3. Hội viên Hội Cựu chiến binh hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên thực hiện tư vấn pháp lý theo phân công của Lãnh đạo Hội Cựu chiến binh trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Quân đội hoặc theo đề nghị của đối tượng được tư vấn pháp lý và không nhận thù lao của họ từ hoạt động này.

4. Hội Cựu chiến binh chịu trách nhiệm về nội dung và bảo đảm các điều kiện vật chất để hội viên Hội Cựu chiến binh hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên chuẩn bị nội dung và thực hiện các hình thức, phương pháp tư vấn pháp lý cho các đối tượng được tư vấn.

5. Thời gian hội viên Hội Cựu chiến binh hoặc Tổ tư vấn, cộng tác viên thực hiện tư vấn pháp lý tính từ thời điểm các hình thức, phương pháp tư vấn pháp lý được tiến hành cho các đối tượng được tư vấn pháp lý.

Chương IV

PHỐI HỢP TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Điều 12. Đề xuất chương trình xây dựng luật, pháp lệnh

1. Trên cơ sở nội dung chính sách Bộ Quốc phòng đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quân sự, quốc phòng, Bộ Quốc phòng gửi dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm hoặc định hướng xây dựng pháp luật của cả nhiệm kỳ Quốc hội để tham khảo ý kiến của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Bộ Quốc phòng.

2. Trường hợp Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết có liên quan đến lĩnh vực quốc phòng thì gửi dự thảo văn bản dự kiến Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh để tham khảo ý kiến của Bộ Quốc phòng. Bộ Quốc phòng tham gia ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết, hai bên có thể tổ chức cuộc họp để trao đổi về đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết trong lĩnh vực quốc phòng hoặc có liên quan đến lĩnh vực quốc phòng; việc tổ chức cuộc họp trao đổi khi có yêu cầu của mỗi bên.

Điều 13. Soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Trong quá trình soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây viết tắt là dự án luật, pháp

lệnh, dự thảo nghị quyết), hai bên cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan cho nhau để tham gia góp ý, bổ sung chính sách hoặc phản biện đối với các luận điệu sai trái, xuyên tạc chính sách quốc phòng của Việt Nam trong quá trình xây dựng, thảo luận, thông qua các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

Theo yêu cầu nhiệm vụ, Bộ Quốc phòng mời đại diện Lãnh đạo Hội Cựu chiến binh Việt Nam tham gia Ban Soạn thảo, Ban Pháp luật Hội Cựu chiến binh Việt Nam tham gia Tổ Biên tập các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

2. Trong trường hợp cần thiết, hai bên mời đại diện lãnh đạo và đại diện cơ quan, đơn vị chức năng tham mưu, giúp việc cùng tham gia hoạt động nghiên cứu, hội nghị, hội thảo những nội dung về lĩnh vực quốc phòng trong các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo hoặc liên quan đến lĩnh vực quốc phòng trong các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết do các bộ, ngành chức năng khác chủ trì soạn thảo mà Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện phản biện xã hội.

3. Cơ quan giúp việc của mỗi bên có thể trao đổi để làm rõ về những nội dung cơ bản, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau của dự án, dự thảo và báo cáo kết quả trao đổi với lãnh đạo của mỗi bên.

4. Hai bên tăng cường mối quan hệ phối hợp và phát huy vai trò của các đại biểu Quốc hội công tác trong Quân đội và đại biểu Quốc hội là cựu chiến binh trong quá trình mỗi bên chủ trì soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết.

Điều 14. Phản biện xã hội của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam đối với dự án, dự thảo trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng

1. Đối với các dự án, dự thảo do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo

a) Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam lập, gửi Bộ Quốc phòng, Ban Soạn thảo kế hoạch phản biện xã hội dự án, dự thảo; mời đại diện Ban Soạn thảo và cơ quan, đơn vị chức năng báo cáo, tham dự hội nghị phản biện theo quy định;

b) Bộ Quốc phòng chỉ đạo Ban Soạn thảo, Cơ quan Thường trực Ban Soạn thảo cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan về dự án, dự thảo; tham dự, trình bày Tờ trình dự án, dự thảo tại hội nghị phản biện theo quy định;

c) Sau hội nghị phản biện, Bộ Quốc phòng chỉ đạo cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp với Ban Pháp luật Hội Cựu chiến binh Việt Nam tổng hợp, dự kiến tiếp thu, giải trình các ý kiến tại hội nghị phản biện;

d) Lãnh đạo Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam trao đổi ý kiến với Bộ Quốc phòng để phối hợp chỉ đạo cơ quan chức năng hoàn chỉnh nội dung phản biện dự án, dự thảo theo quy định.

2. Đối với các dự án, dự thảo liên quan đến lĩnh vực quốc phòng do các bộ, ngành chức năng khác chủ trì soạn thảo

a) Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam lập, gửi bộ, ngành chủ trì và Ban Soạn thảo kế hoạch phản biện xã hội dự án, dự thảo; mời đại diện Ban Soạn thảo và cơ quan, đơn vị chức năng báo cáo, tham dự hội nghị phản biện theo quy định;

b) Trong quá trình lập kế hoạch và tổ chức hội nghị phản biện xã hội đối với dự án, dự thảo, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13 tháng 8 năm 2023.

Điều 16. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí đảm bảo cho công tác phối hợp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách nhà nước.

2. Việc bảo đảm kinh phí phục vụ công tác phối hợp thực hiện theo nguyên tắc cơ quan nào chủ trì thực hiện nhiệm vụ thì cơ quan đó bảo đảm.

3. Bộ Quốc phòng hỗ trợ một phần kinh phí từ nguồn thu của Bộ Quốc phòng (ngoài ngân sách nhà nước) cho Hội Cựu chiến binh Việt Nam để nâng cao chất lượng các nội dung phối hợp trong Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Lãnh đạo Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm phân công cơ quan, đơn vị chức năng thuộc quyền tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Chánh Văn phòng Bộ Quốc phòng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Quốc phòng, Chánh Văn phòng Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Trưởng ban Ban Pháp luật Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ Quốc phòng và Lãnh đạo Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong triển khai thực hiện.

7. 

